

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN HÒN ĐẤT
TỈNH KIÊN GIANG

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 07/2017/DS-ST

Ngày 14 tháng 12 năm 2017

Vụ án: “ Tranh chấp hợp
đồng vay tài sản”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT – TỈNH KIÊN GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

-Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Văn Bình

-Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Thanh Bình

2. Bà Phạm Hồng Gái

- Thư ký phiên tòa: Anh Đặng Thanh Sang Thư ký Toà án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang, tham gia phiên tòa: Ông Lương Thành Trung, kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 254/2017/TLST-DS ngày 17 tháng 8 năm 2017. Về vụ án “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 172/2017/QĐXX-ST ngày 18 tháng 10 năm 2017 giữa:

1. **Nguyên đơn:** Ông Trương Văn Đ, sinh năm 1963, có mặt.

Địa chỉ: ấp Giồng K, xã Bình Gi, huyện Hòn Đ, tỉnh Kiên Giang.

2. **Đồng bị đơn:**

2.1. Chị Sơn Thị Đ (tự Sơn Thị Thu H), sinh năm 1983.

Địa chỉ: ấp Ranh H, xã Bình Gi, huyện Hòn Đ, tỉnh Kiên Giang.

2.2. Anh Cao Thanh T, sinh năm 1984 (chồng chị Đ cùng địa chỉ).

(chị Đặng và anh T vắng mặt).

3. **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

3.1 Bà Lâm Thị R, sinh năm 1950 (mẹ chị Đ cùng địa chỉ có đơn xin xét xử vắng mặt).

3.2 Bà Trần Thị M, sinh năm 1983 (vợ ông Đ cùng địa chỉ có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Nguyên đơn ông Trương Văn Đ trình bày: Ngày 16 tháng 6 năm 2011, chị Sơn Thị Đ, anh Cao Thanh T (chồng chị Đ) và bà Lâm Thị R (mẹ chị Đ) có hỏi vợ chồng ông mượn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để vay 200.000.000đồng. Ông đồng ý và làm thủ tục vay tiền tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội chi nhánh Sóc Sơn huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang để vay 400.000.000đồng lãi suất 18,5%/năm, ông cho anh T, chị Đ và bà R vay lại 200.000.000đồng, lãi suất đóng hàng tháng bằng Ngân hàng (chị Đặng có viết biên nhận nhận tiền). Sau khi vay anh T, chị Đ và bà R không đóng lãi hàng tháng cho ông, ông phải đứng ra đóng

lãi thay đến tháng 12/2014 cho anh T, chị Đ và bà R tổng cộng 92.500.000đồng. Anh T, chị Đ và bà R đóng lãi cho ông 3 lần tổng cộng là 79.000.000đồng còn nợ tiền lãi 13.500.000đồng thì ngưng không đóng lãi và không trả vốn cho ông nên ông không có khả năng trả nợ cho Ngân hàng. Từ đó, Ngân hàng khởi kiện ông và Tòa án giải quyết buộc ông phải trả nợ cho Ngân hàng.

Tại phiên tòa ông giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc chị Sơn Thị Đ, anh Cao Thanh T và bà Lâm Thị R phải liên đới trả nợ gốc 200.000.000đồng, lãi tính từ tháng 1 năm 2015 đến tháng 4 năm 2017 là 27 tháng cụ thể là: $200.000.000\text{đồng} \times 1,125\% \times 27 \text{ tháng} = 60.750.000\text{đồng} + 13.500.000\text{đồng}$ tiền lãi đóng ngân hàng còn nợ = 74.250.000đồng. Như vậy, tổng cộng gốc và lãi là 200.000.000đồng + 74.250.000đồng = 274.250.000đồng.

2. Đồng bị đơn chị Sơn Thị Đ tại biên bản tự khai ngày 31/12/2015 đã thừa nhận vào ngày 16/6/2011 chị có vay của ông Trương Văn Đ 200.000.000đồng, lãi suất bằng lãi suất Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội mà ông Đ vay giùm cho chị. Ông Đ giao tiền cho chị mang về giao cho anh T (chồng chị) để nuôi tôm nhưng bị thua lỗ. Sau khi vay chị có đóng lãi cho ông Đ được vài lần nhưng không nhớ bao nhiêu tiền. Nay chị đồng ý trả gốc, lãi suất chị xin toàn bộ.

Anh Cao Thanh T (chồng chị Đ), Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh T không có mặt nên không có lời khai.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lâm Thị R tại biên bản lấy lời khai trình bày: chị Sơn Thị Đ (con gái bà) vay tiền của ông Trương Văn Đ bà hoàn toàn không biết, sau này bà mới biết. Chị Đ vay tiền về không có giao tiền cho bà mà chỉ xài chung trong gia đình bà nên bà chấp nhận trả nợ gốc cho ông Đ mỗi năm 20.000.000đồng, tiền lãi bà xin hết.

Bà Trần Thị M (vợ ông Đ) thống nhất ý kiến của ông Đ.

4. Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến việc tuân theo pháp luật về thủ tục tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, các đương sự đều tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Hướng giải quyết vụ kiện: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trương Văn Đ về việc đòi nợ gốc và lãi suất đối với chị Sơn Thị Đ, anh Cao Thanh T và bà Lâm Thị R.

Buộc chị Sơn Thị Đ, anh Cao Thanh T và bà Lâm Thị R phải liên đới trả nợ gốc và lãi suất cho anh Trương Văn Đ và chị Trần Thị M tổng cộng gốc và lãi là 274.250.000đồng (trong đó, gốc 200.000.000đồng, lãi 74.250.000đồng).

Buộc chị Sơn Thị Đ, anh Cao Thanh T và bà Lâm Thị R phải chi án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các chứng cứ có trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Đồng bị đơn chị Sơn Thị Đ, anh Cao Thanh T không có yêu cầu phản tố, vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai mà không có người đại diện tham gia phiên tòa thì Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của ông Đ đòi chị Đ, anh T (chồng chị Đ) và bà Rét (mẹ chị Đ) phải có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Đ nợ gốc 200.000.000đồng, lãi suất tính từ tháng 1 năm 2015 đến tháng 4 năm 2017 là 27 tháng cụ thể $200.000.000\text{đồng} \times 1,125\% \times 27 \text{ tháng} = 60.750.000\text{đồng}$.

$60.750.000\text{đồng} + 13.500.000\text{đồng}$ (tiền lãi đóng trước cho Ngân hàng) = 74.250.000đồng.

Như vậy, tổng cộng gốc và lãi là 274.250.000đồng (trong đó, gốc 200.000.000đồng, tiền lãi 74.250.000đồng) là có cơ sở chấp nhận.

Xét yêu cầu của chị Đ và bà R xin toàn bộ khoản tiền lãi nhưng không được ông Đ đồng ý nên không có căn cứ để xem xét. Chị Đ là người thực hiện đứng ra giao dịch vay nợ ông Đ mang về giao cho anh T nuôi tôm nhằm đáp ứng nhu cầu cho gia đình, tòa án đã thông báo thụ lý cho anh T nhưng anh T không có ý kiến phản đối gì nên anh T là chồng chị Đ phải có trách nhiệm liên đới cùng với chị Đ, bà R trả nợ cho ông Đ theo quy định tại Điều 27 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Từ những nhận định trên, sau khi nghị án, Hội đồng xét xử sơ thẩm trong thảo luận thống nhất xử chấp nhận đề nghị của vị đại diện viện kiểm sát và chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trương Văn Đ. Buộc chị Sơn Thị Đ, anh Cao Thanh T và bà Lâm Thị R phải liên đới trả cho ông Trương Văn Đ và bà Trần Thị M (vợ ông Đ) tổng cộng gốc và lãi là 274.250.000đồng (trong đó, gốc 200.000.000đồng, lãi 74.250.000đồng).

Về án phí: chị Đ, anh T và bà R phải chịu án phí trên số tiền buộc phải trả là $274.250.000\text{đồng} \times 5\% = 12.350.000\text{đồng}$; ông Đ không phải chịu án phí được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí ông Đ đã nộp là 2.500.000đồng theo biên lai thu số: 0003355 ngày 13/1/2015 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòn Đ, tỉnh Kiên Giang.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Điều 131; 243 và 245 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Áp dụng Điều 474; Điều 476 Bộ luật dân sự 2005;
- Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trương Văn Đ đòi nợ gốc và lãi suất đối với chị Sơn Thị Đ, anh Cao Thanh T (chồng chị Đ) và bà Lâm Thị R (mẹ chị Đ).

2. Buộc chị Sơn Thị Đ, anh Cao Thanh T (chồng chị Đ) và bà Lâm Thị R (mẹ chị Đ) phải liên đới trả cho ông Trương Văn Đ và bà Trần Thị M (vợ ông Đ) tổng cộng gốc và lãi là 274.250.000đồng (trong đó, nợ gốc 200.000.000đồng và lãi 74.250.000đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn

phải chịu khoản lãi của của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

3. Về án phí: chị Sơn Thị Đ, anh Cao Thanh T và bà Lâm Thị R phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 12.350.000đồng; ông Trương Văn Đ không phải chịu án phí được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.500.000đồng theo biên lai thu số: 0003355 ngày 13/1/2015 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết tại nơi cư trú.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Hòn Đất;
- Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang;
- Chi cục THA dân sự huyện Hòn Đất;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN -CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Văn Bình